**TRƯỜNG THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG**

**NỘI DUNG TRỌNG TÂM HỌC KỲ 1 – NĂM HỌC 2022-2023**

**MÔN ĐỊA LÍ - KHỐI 9**

**Câu 1: Đặc điểm nguồn lao động nước ta?**

- Nguồn lao động nước ta dồi dào và tăng nhanh.

- Trung bình mỗi năm tăng thêm khoảng 1 triệu lao động

- Chủ yếu ở nông thôn 75,8%.và phần lớn chưa qua đào tạo ( 78,8 % )

- Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, thủ công nghiệp, có khả năng tiếp thu khoa học kĩ thuật.

- Hạn chế về thể lực và trình độ chuyên môn

**Câu 2: Những thành tựu và khó khăn của nền kinh tế việt nam sau đổi mới?**

**+Thành tựu:**

- Tốc độ tăng trưởng nhanh .

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá.

- Có sự hội nhập vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu.

**+ Khó khăn, thách thức:**

- Vấn đề việc làm, xóa đói giảm nghèo

- Nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường .

- Khó khăn hội nhập thế giới .

**Câu 3: Sự phát triển và phân bố ngành thuỷ sản nước ta?**

- Khai thác chiếm tỉ trọng lớn , nuôi trồng chiếm tỉ trọng nhỏ nhưng tốc độ tăng nhanh .

- Khai thác hải sản: Sản lượng tăng khá nhanh. Các tỉnh dẫn đầu: Kiên Giang, Cà Mau, Bà Rịa – Vũng Tàu và Bình Thuận.

- Nuôi trồng thuỷ sản: gần đây phát triển nhanh: Cà Mau, An Giang và Bến Tre

- Xuất khẩu thuỷ sản phát triển vượt bậc đạt trên 2 tỉ USD.

**Câu 4: Vai trò của ngành dịch vụ trong nền kinh tế?**

- Cung cấp nguyên liệu, vật tư sản xuất cho các ngành kinh tế.

- Tiêu thụ sản phẩm tạo ra mối liên hệ giữa các ngành sản xuất trong và ngoài nước.

- Thu hút ngày càng nhiều nguồn lao động. tạo việc làm, nâng cao đời sống người dân.

**Câu 5: Ý nghĩa của giao thông vận tải?**

- Giao thông vận tải có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với mọi ngành kinh tế và đối với sự hoạt động hiệu quả của nền kinh tế thị trường.

- Giao thông vận tải thực hiện các mối liên hệ kinh tế trong nước và ngoài nước.

- Nhờ vào việc phát triển giao thông vận tải mà nhiều vùng khó khăn đã có cơ hội để phát triển.

**Câu 6: Vì sao nước ta lại buôn bán nhiều nhất với thị trường khu vực châu Á – Thái Bình Dương?**

- Có vị trí dịa lí thuận lợi cho việc vận chuyển, giao nhận hàng hóa, các mối liên hệ có tính truyền thống.

- Thị hiếu con người tiêu dùng có nhiều điểm tương đồng nên dễ xâm nhập thị trường.

- Tiêu chuẩn hàng hóa không cao, phù hợp với trình độ sản xuất còn thấp của Việt Nam.

**Câu 7: Chứng minh rằng Đồng bằng sông Hồng có điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch?**

- Tài nguyên du lịch tự nhiên: các thắng cảnh nổi tiếng như Tràng An, Ninh Bình, Tam Đảo, Đại Lải, Vĩnh Phúc…Ngoài ra, vùng còn có nhiều vườn quốc gia nổi tiếng như Cát Bà, Cúc Phương, Bà Vì…Có các bãi biển đẹp ở Hải Phòng, Thái Bình…

- Tài nguyên diu lịch nhân văn: Lăng Bác Hồ, Hồ Gươm, chùa Một Cột, Côn Sơn Kiếp Bạc, …

- Hệ thống giao thông phát triển, các thành phố lớn. Vị trí giao thông thuận lợi, là đầu mối giao thông của nhiều tỉnh…

**Câu 8: Đặc điểm sản xuất nông nghiệp của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?**

- Chăn nuôi bò và khai thác nuôi trồng thủy sản là thế mạnh kinh tế vùng.

- Lương lương thực trong vùng thấp, việc phát triển cây lương thực gặp nhiều khó khăn do:diện tích đất hẹp, đất xấu, thiếu nước, thời tiết có nhiều thiên tai.

- Ngư nghiệp là thế mạnh của vùng Duyên hải Nam Trung bộ gồm: Nuôi trồng , đánh bắt thủy sản, làm muối và chế biến thủy sản.

**Câu 9: Phân bố dân cư ở Bắc Trung Bộ có những đặc điểm gì?**

#### - Dân cư phân bố không đều.

#### - Phía Đông: Đại bộ phận người kinh, một ít người Chăm.

#### - Mật độ dân số cao 190 người/km2, tập trung ở các thành phố, thị xã.

- Phía Tây: Đại bộ phận các dân tộc ít người. Mật độ dân số thấp 13 người/km2.

**Câu 10: Hãy nêu những thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên của Trung du và miền núi Bắc Bộ?**

- Đất feralit rộng, khí hậu nhiệt đới ẩm có mùa đông đông lạnh thuận lợi cho trồng cây công nghiệp, dược liệu, rau quả ôn đới và cận nhiệt.

- Có nhiều cao nguyên với đồng cỏ thuận lợi cho chăn nuôi gia súc lớn.

- Tiềm năng thuỷ điện trên các sông lớn, đặc biệt ở sông Đà.

- Tài nguyên khoáng sản đa dạng: than, sắt, chì, kẽm, thiếc, bôxit, apatit, pirit, đá xây dựng,…

- Vùng biển có nhiều tiềm năng để phát nuôi trồng, đánh bắt thuỷ sản, du lịch.

**Câu 11: Trình bày vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ vùng Đồng bằng sông Hồng?**

- Bắc giáp: Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Tây giáp: Tây Bắc.

- Nam giáp Bắc Trung Bộ.

- Đông giáp:Vịnh Bắc Bộ

- Vùng có diện tích 14.806km2, dân số 17,5 triệu người (năm (2002).

- Vị trí vùng tạo nhiều khả năng giao lưu kinh tế với các vùng trong nước và nước ngoài.

**Câu 12: Ý nghĩa vị trí địa lý của vùng Bắc Trung Bộ?**

- Cầu nối: miền Bắc và miền Nam đất nước.

- Cửa ngõ ra biển của nước láng giềng (Lào).

- Cửa ngõ hành lang Đông – Tây của Tiểu vùng sông Mê Công.

- Phát triển tổng hợp kinh tế biển.

**Câu 13: Tại sao Trung du Bắc Bộ là địa bàn đông dân và phát triển kinh tế - xã hội cao hơn miền núi Bắc Bộ?**

#### - Nằm liền kề với vùng đồng bằng sông Hồng, có trình độ phát triển kinh tế xã hội cao.

#### - Có mặt bằng tương đối bằng phẳng, xây dựng nhiều cơ sở công nghiệp và đô thị.

#### - Là nơi tập trung nhiều vườn cây công nghiệp như chè, hoa quả và chăn nuôi gia súc.

#### - Khí hậu không quá khắc nghiệt, giao thông vận tải thuận tiện hơn.

**Câu 14: Đặc điểm sản xuất nông nghiệp của vùng Tây Nguyên?**

- Là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn.

- Cây công nghiệp: Cà phê (Đăk Lăk), cao su Kon Tum), chè ( Lâm Đồng), điều đem lại hiệu qủa kinh tế cao, phát triển mạnh.

- Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng nhanh.

- Tập trung chủ yếu ở Đăk Lắk , Lâm Đồng …(chiếm 76.3 %)

- Lâm nghiệp có sự chuyển hướng quan trọng: Kết hợp khai thác, trồng mới, bảo vệ rừng, gắn khai thác với chế biến .

- Độ che phủ rừng 54,8% (2003), cao nhất nước.

**Câu 15: Đặc điểm sản xuất công nghiệp của vùng Tây Nguyên?**

- Chiếm tỉ lệ thấp chỉ đạt 0.9 % so với cả nước.

- Tốc độ phát triển nhanh nhưng còn chậm so với mức trung b́nh của cả nước.

 - Các ngành công nghiệp phát triển : thủy điện trên sông Xê Xan, Xrê PôK, chế biến nông, lâm sản phát triển khá nhanh.

**\* Bài tập**

- Đọc: biểu đồ, bảng số liệu.

- Đọc tập bản đồ Địa lí 9 vùng Bắc Trung bộ và Vùng Đồng bằng sông Hồng.

- Vẽ biểu đồ: Đường, tròn.

 - Nhận xét, so sánh, giải thích.